

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH BẠC LIÊU**

Căn cứ Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 06/07/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Công văn số 2402/UBND-TH ngày 07/07/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc chấp thuận nội dung Quy chế xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu tại Tờ trình số 21/TTr-QĐT ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/QĐ-HĐQL ngày 07/06/2012 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy chế quản lý rủi ro tín dụng của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mlu*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bạc Liêu (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Thiệu
Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu**

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 8 năm 2022

**QUY CHẾ XỬ LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH BẠC LIÊU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-HĐQL ngày 10.18.2022
của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc xử lý rủi ro, bao gồm cả việc phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu. Các trường hợp khác chưa quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng thương mại.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu và các Chủ đầu tư có quan hệ vay vốn tại Quỹ.

3. Phạm vi áp dụng: Các dự án, phương án (*gọi chung là dự án*) vay vốn tại Quỹ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

1. Khách hàng là Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 147, các chủ thể khác theo quy định của pháp luật dân sự có quan hệ vay nợ với Quỹ.

2. Rủi ro tín dụng (*cho vay*) trong hoạt động của Quỹ (*sau đây gọi tắt là rủi ro*) là khả năng xảy ra tổn thất đối với nợ của Quỹ do khách hàng không có khả năng trả được một phần hoặc toàn bộ nợ của mình theo hợp đồng hoặc thỏa thuận (*sau đây gọi chung là thỏa thuận*) với Quỹ.

3. Khoản nợ là số tiền Quỹ đã giải ngân từng lần (*đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có một thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau*) hoặc số tiền Quỹ đã giải ngân theo hợp đồng (*đối với trường hợp nhiều lần giải ngân nhưng có cùng thời hạn, kỳ hạn trả nợ*) đối với nợ mà khách hàng chưa hoàn trả.

4. Dự phòng rủi ro là số tiền được trích lập và hạch toán vào chi phí hoạt động để dự phòng cho những rủi ro có thể xảy ra đối với nợ của Quỹ. Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

5. Dự phòng cụ thể là số tiền được trích lập để dự phòng cho những rủi ro có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể.

6. Dự phòng chung là số tiền được trích lập để dự phòng cho những rủi ro có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích lập dự phòng cụ thể.

7. Khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận với Quỹ.

8. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ là nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN.

9. Nợ xấu (*NPL*) là nợ xấu nội bảng, gồm nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

10. Tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ giữa nợ xấu so với tổng các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5.

11. Tỷ lệ cấp tín dụng xấu là tỷ lệ giữa tổng của nợ xấu và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng các khoản nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5.

12. Sử dụng dự phòng rủi ro bao gồm sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ, cụ thể:

a) Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là việc Quỹ chuyển khoản nợ được xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng quy định tại Điều 38, Điều 39 Quy chế này;

b) Sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ quy định tại Điều 43 Quy chế này.

13. Các từ viết tắt:

Quỹ hoặc BLDIF: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu

HDQL: Hội đồng Quản lý

HĐXLRR: Hội đồng Xử lý rủi ro

CIC: Trung tâm thông tin tín dụng Việt Nam

NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

UBND: Ủy ban nhân dân

Nghị định 147 là Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế Nghị định 147 (nếu có).

Thông tư 86 là Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư 86 (nếu có).

Thông tư 11 là Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của Thống đốc NHNN Việt Nam Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư 11 (nếu có).

Chương II

QUẢN LÝ RỦI RO CHO VAY VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RỦI RO

Mục 1

QUẢN LÝ RỦI RO CHO VAY

Điều 3. Nguyên tắc quản lý rủi ro cho vay

1. Quỹ thực hiện quản lý rủi ro cho vay trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ;

2. Quỹ phải xây dựng, tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định nội bộ về cho vay; quản lý rủi ro cho vay; xử lý rủi ro và các quy định nội bộ khác theo quy định của pháp luật. Quy định về quản lý rủi ro cho vay tối thiểu phải bao gồm các nội dung cơ bản theo Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy chế này;

3. Quy trình các nghiệp vụ cho vay tùy theo quy mô, điều kiện của Quỹ được xây dựng theo nguyên tắc:

a) Cá nhân/bộ phận thực hiện độc lập với cá nhân/bộ phận kiểm soát và kiểm tra;

b) Cá nhân/bộ phận thẩm định độc lập với cá nhân/bộ phận quan hệ khách hàng; thẩm định lại (nếu có); phê duyệt quyết định cho vay; kiểm soát hạn mức rủi ro; quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề; trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

